

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH VIÊN TỔNG HỢP

(Tính đến ngày 01/4/2021)

TỔNG SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG		NAM	NỮ	TỔNG SỐ
		12913	2220	15133
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Cao đẳng - Chuyên nghiệp				
1	Khóa 2014CĐ (Nợ môn)	2	0	2
2	Khóa 2015CĐ (Nợ môn)	254	6	260
3	Khóa 2016CĐ (Nợ môn)	254	12	266
Tổng số		510	18	528
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	18C1-ĐCN1	13	0	13
2	18C1-ĐCN2	32	0	32
3	18C1-ĐCN3	16	0	16
4	18C1-ĐCN4	26	0	26
5	18C1-ĐĐT1	19	0	19
6	18C1-ĐĐT2	21	1	22
7	18C1-ĐĐT3	13	0	13
8	18C1-CĐT1	24	1	25
9	18C1-TĐH1	36	0	36
10	18C1-KML1	7	0	7
11	18C1-KML2	20	0	20
12	18C1-VSL1	11	0	11
13	18C1-VSL2	18	0	18
14	18C1-VSL3	14	0	14
15	18C1-CNL1	13	0	13
16	18C1-CCK1	17	0	17
17	18C1-CCK2	25	0	25
18	18C1-CCK3	37	0	37
19	18C1-CCK4	29	0	29
20	18C1-CCK5	29	0	29
21	18C1-CCK6	25	0	25
22	18C1-CCK7	36	0	36
23	18C1-CTM1	24	0	24
24	18C1-CKL1	9	0	9
25	18C1-BCN1	12	0	12
26	18C1-CNÔ1	21	0	21
27	18C1-CNÔ2	10	0	10
28	18C1-CNÔ3	13	0	13
29	18C1-CNÔ4	14	0	14

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
30	18C1-CNÔ5	17	0	17
31	18C1-CNÔ6	6	0	6
32	18C1-CNÔ7	20	0	20
33	18C1-CNÔ8	18	0	18
34	18C1-CNÔ9	20	0	20
35	18C1-CNÔ10	15	0	15
36	18C1-CNÔ11	16	0	16
37	18C1-CNÔ12	23	0	23
38	18C1-CNÔ13	12	0	12
39	18C1-CNÔ14	15	0	15
40	18C1-CNÔ15	7	0	7
41	18C1-CNÔ16	26	0	26
42	18C1-CNÔ17	25	0	25
43	18C1-CNM1	1	6	7
44	18C1-CMT1	10	0	10
45	18C1-TKĐ1	11	0	11
46	18C1-TMĐ1	1	1	2
47	18C1-THU1	8	0	8
48	18C1-LTM1	8	0	8
49	18C1-LTM2	17	0	17
50	18C1-QTM1	15	0	15
51	18C1-KTD1	1	5	6
52	18C1-KTD2	0	2	2
53	18C1-QTD1	8	4	12
54	18C1-NNA1	10	0	10
55	18C1-KXD1	38	0	38
56	Khóa 2017 C1 (Nợ môn)	336	11	347
Tổng số		1268	31	1299

Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	19C1-ĐCN1	51	0	51
2	19C1-ĐCN2	30	0	30
3	19C1-ĐCN3	25	0	25
4	19C1-ĐĐT1	40	2	42
5	19C1-ĐĐT2	38	0	38
6	19C1-ĐĐT3	32	2	34
7	19C1-CĐT1	40	1	41
8	19C1-TĐH1	53	0	53
9	19C1-KML1	47	0	47
10	19C1-KML2	26	1	27
11	19C1-VSL1	47	0	47
12	19C1-VSL2	30	0	30
13	19C1-LĐL1	22	0	22
14	19C1-CNL1	39	0	39
15	19C1-CCK1	35	1	36
16	19C1-CCK2	37	0	37
17	19C1-CCK3	34	0	34

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
18	19C1-CCK4	37	0	37
19	19C1-CCK5	35	0	35
20	19C1-CCK6	30	0	30
21	19C1-CTM1	48	0	48
22	19C1-BCN1	23	0	23
23	19C1-CNÔ1	29	1	30
24	19C1-CNÔ2	38	0	38
25	19C1-CNÔ3	38	0	38
26	19C1-CNÔ4	40	0	40
27	19C1-CNÔ5	41	0	41
28	19C1-CNÔ6	33	0	33
29	19C1-CNÔ7	35	0	35
30	19C1-CNÔ8	36	0	36
31	19C1-CNÔ9	32	1	33
32	19C1-CNÔ10	40	0	40
33	19C1-CNÔ11	35	0	35
34	19C1-CNÔ12	37	0	37
35	19C1-CNÔ13	30	0	30
36	19C1-CNÔ14	26	0	26
37	19C1-CNÔ15	21	0	21
38	19C1-CNM1	5	30	35
39	19C1-ANM1	12	0	12
40	19C1-CMT1	26	0	26
41	19C1-TKĐ1	38	10	48
42	19C1-TKĐ2	27	4	31
43	19C1-TKW1	21	3	24
44	19C1-LTM1	45	0	45
45	19C1-QTM1	30	0	30
46	19C1-LGT1	18	6	24
47	19C1-KTD1	13	45	58
48	19C1-QTD1	25	24	49
49	19C1-NNA1	12	19	31
50	19C1-KXD1	25	0	25
Tổng số		1607	150	1757

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	20C1-ĐCN1	63	0	63
2	20C1-ĐCN2	66	0	66
3	20C1-ĐĐT1	62	0	62
4	20C1-ĐĐT2	60	1	61
5	20C1-CĐT1	68	0	68
6	20C1-TĐH1	47	1	48
7	20C1-TĐH2	41	0	41
8	20C1-KML1	42	0	42
9	20C1-KML2	38	0	38
10	20C1-VSL1	38	0	38
11	20C1-VSL2	35	0	35
12	20C1-LĐL1	41	0	41

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
13	20C1-CNL1	57	0	57
14	20C1-CNL2	60	0	60
15	20C1-CCK1	55	0	55
16	20C1-CCK2	58	0	58
17	20C1-CCK3	57	0	57
18	20C1-CCK4	57	0	57
19	20C1-CCK5	58	0	58
20	20C1-CTM1	56	0	56
21	20C1-CTM2	55	1	56
22	20C1-CTM3	32	0	32
23	20C1-CTK1	19	0	19
24	20C1-CKL1	23	0	23
25	20C1-BCN1	25	0	25
26	20C1-CNÔ1	57	0	57
27	20C1-CNÔ2	53	1	54
28	20C1-CNÔ3	59	0	59
29	20C1-CNÔ4	56	0	56
30	20C1-CNÔ5	57	0	57
31	20C1-CNÔ6	53	0	53
32	20C1-CNÔ7	57	0	57
33	20C1-CNÔ8	59	0	59
34	20C1-CNÔ9	59	0	59
35	20C1-CNÔ10	59	0	59
36	20C1-CNÔ11	58	0	58
37	20C1-CNÔ12	58	0	58
38	20C1-CNÔ13	60	0	60
39	20C1-CNÔ14	59	0	59
40	20C1-CNM1	7	35	42
41	20C1-KLB1	7	4	11
42	20C1-CMT1	54	1	55
43	20C1-TKĐ1	51	9	60
44	20C1-TKĐ2	54	7	61
45	20C1-TKW1	38	3	41
46	20C1-TMĐ1	20	4	24
47	20C1-ĐHĐ1	25	6	31
48	20C1-LTM1	56	1	57
49	20C1-LTM2	47	4	51
50	20C1-QTM1	49	2	51
51	20C1-LGT1	25	3	28
52	20C1-TCD1	17	9	26
53	20C1-KTD1	21	55	76
54	20C1-QTD1	38	30	68
55	20C1-QKS1	19	20	39
56	20C1-QNH1	18	7	25
57	20C1-NNA1	40	31	71
58	20C1-KXD1	34	0	34
59	20C1-QXD1	16	0	16
Tổng số		2653	235	2888

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	19C3-CCK1	28	0	28
2	19C3-CNÔ1	24	0	24
3	19C3-CNÔ2	25	0	25
Tổng số		77	0	77
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	20C3-ĐĐT1	20	0	20
2	20C3-CCK1	42	0	42
3	20C3-CTM1	21	0	21
4	20C3-CNÔ1	40	0	40
5	20C3-CNÔ2	37	0	37
6	20C3-CNÔ3	40	0	40
Tổng số		200	0	200
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2019				
Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế				
1	19C4-CNÔ1	14	0	14
Tổng số		14	0	14
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast				
1	20C5-ĐĐT1	30	0	30
2	20C5-CNÔ1	29	0	29
Tổng số		59	0	59
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật				
1	20C6-ĐĐT1	19	0	19
2	20C6-CNÔ1	31	0	31
3	20C6-CNÔ2	31	0	31
4	20C6-CNÔ3	32	0	32
5	20C6-CNÔ4	27	0	27
Tổng số		140	0	140
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	19C2-ĐĐT1	29	0	29
2	19C2-CCK1	31	0	31
	19C2-CNL1	12	0	12
3	19C2-CNÔ1	36	0	36
4	19C2-QTM1	32	1	33
5	19C2-KTD1	0	17	17
	19C2-QTD1	3	12	15
6	19C2-CNÔ2	13	0	13
	19C2-CNM1	1	7	8
	19C2-ĐĐT3	47	0	47
	19C2-CNL3	18	0	18

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
	19C2-CCK3	10	0	10
	19C2-CNÔ3	40	0	40
	19C2-CNM2	2	8	10
	19C2-QTM3	35	9	44
	19C2-KTD3	0	1	1
	19C2-QTD3	1	5	6
	Khóa 2015CĐLT (Nợ môn)	1	0	1
	Khóa 2017C2 (Nợ môn)	16	0	16
	Khóa 2018C2 (Nợ môn)	40	2	42
Tổng số		367	62	429
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	20C2-ĐCN1	75	0	75
2	20C2-ĐĐT1	45	2	47
3	20C2-LĐL1	43	0	43
	20C2-CNL1	34	0	34
4	20C2-CCK1	52	0	52
5	20C2-CKL1	30	0	30
	20C2-LTM1	29	2	31
6	20C2-CNÔ1	40	0	40
7	20C2-CNÔ2	59	0	59
8	20C2-CNÔ3	55	1	56
9	20C2-CNM1	5	23	28
10	20C2-THU1	36	12	48
	20C2-TKW1	20	0	20
11	20C2-QTM1	46	4	50
	20C2-CMT1	21	0	21
12	20C2-KTD1	6	32	38
13	20C2-QTD1	28	16	44
14	20C2-NNA1	22	29	51
Tổng số		646	121	767
Cao đẳng nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2015CĐN (Nợ môn)	10	1	11
2	Khóa 2016CĐN (Nợ môn)	9	1	10
Tổng số		19	2	21
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp(12+2)				
1	Khóa 2014TC Trung cấp (Nợ môn)	61	3	64
2	Khóa 2015TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	46	0	46
3	Khóa 2016TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	60	2	62
Tổng số		167	5	172
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp (9+3)				
1	Khóa 2015TC (Nợ môn)	16	0	16
2	Khóa 2016TC (Nợ môn)	36	16	52
Tổng số		52	16	68

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Trung cấp nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2015TCN (Nợ môn)	105	21	126
2	Khóa 2016TCN (Nợ môn)	131	14	145
Tổng số		236	35	271
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	19T2-ĐCN1	21	0	21
2	19T2-CCK1	13	0	13
3	19T2-CNÔ1	41	0	41
4	19T2-QTM1	26	3	29
	Khóa 2017T2 Trung cấp (Nợ môn)	39	2	41
	Khóa 2018T2 Trung cấp (Nợ môn)	16	0	16
Tổng số		156	5	161
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	20T2-ĐCN1	40	4	44
Tổng số		40	4	44
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	18T4-ĐCN1	50	0	50
2	18T4-ĐĐT1	36	0	36
3	18T4-CĐT1	35	0	35
4	18T4-KML1	28	0	28
5	18T4-VSL1	37	0	37
6	18T4-VSL2	37	0	37
7	18T4-CCK1	52	0	52
8	18T4-CKC1	21	0	21
9	18T4-CNÔ1	31	0	31
10	18T4-CNÔ2	33	0	33
11	18T4-CNÔ3	36	0	36
12	18T4-CNÔ4	39	0	39
13	18T4-CNÔ5	31	0	31
14	18T4-CNM1	7	36	43
15	18T4-ANM1	27	3	30
16	18T4-CMT1	47	0	47
17	18T4-TKĐ1	29	12	41
18	18T4-TKĐ2	23	8	31
19	18T4-TKW1	23	5	28
20	18T4-THU1	30	10	40
21	18T4-LTM1	32	1	33
22	18T4-LTM2	26	4	30
23	18T4-QTM1	37	1	38
24	18T4-TCD1	6	9	15
25	18T4-KTD1	5	38	43
26	18T4-QTD1	8	21	29
27	18T4-QTD2	8	22	30
28	18T4-NNA1	16	24	40

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
29	18T4-NNA2	12	29	41
30	18T4-NNA3	14	21	35
31	18T4-KXD1	17	0	17
	Khóa 2017T4 Trung cấp (Nợ môn)	320	53	373
Tổng số		1153	297	1450
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	19T4-ĐCN1	34	0	34
2	19T4-ĐCN2	31	0	31
3	19T4-ĐĐT1	30	0	30
4	19T4-ĐĐT2	26	1	27
5	19T4-CĐT1	37	0	37
6	19T4-KML1	42	0	42
7	19T4-VSL1	26	0	26
8	19T4-VSL2	30	0	30
9	19T4-LĐL1	39	0	39
10	19T4-CCK1	56	0	56
11	19T4-CKC1	48	0	48
12	19T4-CKC2	27	0	27
13	19T4-CNÔ1	49	0	49
14	19T4-CNÔ2	49	0	49
15	19T4-CNÔ3	51	0	51
16	19T4-CNÔ4	54	0	54
17	19T4-CNÔ5	52	0	52
18	19T4-CNM1	2	42	44
19	19T4-ANM1	19	1	20
20	19T4-ANM2	24	2	26
21	19T4-CMT1	48	1	49
22	19T4-CMT2	22	1	23
23	19T4-TKĐ1	32	19	51
24	19T4-TKĐ2	27	25	52
25	19T4-TKW1	42	9	51
26	19T4-TMĐ1	9	9	18
27	19T4-THU1	39	14	53
28	19T4-LTM1	43	6	49
29	19T4-LTM2	46	3	49
30	19T4-QTM1	55	4	59
31	19T4-LGT1	16	8	24
32	19T4-TCD1	15	17	32
33	19T4-KTD1	4	44	48
34	19T4-KTD2	14	31	45
35	19T4-QTD1	22	31	53
36	19T4-NNA1	20	30	50
37	19T4-NNA2	15	33	48
38	19T4-NNA3	19	27	46
39	19T4-KXD1	27	2	29
Tổng số		1241	360	1601

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	20T4-ĐCN1	45	0	45
2	20T4-ĐCN2	42	0	42
3	20T4-ĐĐT1	54	0	54
4	20T4-CĐT1	40	0	40
5	20T4-CĐT2	37	0	37
6	20T4-TĐH1	38	0	38
7	20T4-KML1	64	0	64
8	20T4-VSL1	45	0	45
9	20T4-VSL2	45	0	45
10	20T4-LĐL1	49	0	49
11	20T4-CNL1	27	0	27
12	20T4-CCK1	57	1	58
13	20T4-CCK2	53	0	53
14	20T4-CKC1	49	0	49
15	20T4-CKC2	48	0	48
16	20T4-CKL1	25	0	25
17	20T4-CNÔ1	56	0	56
18	20T4-CNÔ2	57	0	57
19	20T4-CNÔ3	57	0	57
20	20T4-CNÔ4	58	0	58
21	20T4-CNÔ5	57	0	57
22	20T4-CNM1	6	44	50
23	20T4-KLB1	15	47	62
24	20T4-ANM1	33	2	35
25	20T4-CMT1	37	1	38
26	20T4-CMT2	35	0	35
27	20T4-TKĐ1	29	22	51
28	20T4-TKĐ2	36	12	48
29	20T4-TKĐ3	38	9	47
30	20T4-TKW1	56	7	63
31	20T4-TMĐ1	28	9	37
32	20T4-ĐHĐ1	44	21	65
33	20T4-THU1	57	6	63
34	20T4-LTM1	49	6	55
35	20T4-LTM2	39	1	40
36	20T4-QTM1	45	2	47
37	20T4-QTM2	34	3	37
38	20T4-LGT1	22	22	44
39	20T4-TCD1	25	38	63
40	20T4-KTD1	5	33	38
41	20T4-KTD2	9	26	35
42	20T4-QTD1	20	26	46
43	20T4-QTD2	19	25	44
44	20T4-QDL1	17	39	56
45	20T4-QKS1	24	39	63
46	20T4-QLH1	11	15	26

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
47	20T4-QNH1	21	34	55
48	20T4-NNA1	23	29	52
49	20T4-NNA2	26	25	51
50	20T4-NNA3	31	12	43
51	20T4-KXD1	45	0	45
Tổng số		1882	556	2438

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm (GDTX)

1	20T3-ĐCN1TU	22	4	26
2	20T3-CNÔ1CK	32	10	42
3	20T3-CNÔ1CT	29	0	29
4	20T3-CNÔ1Q7	28	0	28
5	20T3-KLB1BP	4	22	26
6	20T3-KLB1CĐ	7	22	29
7	20T3-KLB1Q7	41	46	87
8	20T3-KLB1TN	24	18	42
9	20T3-THU1CT	15	9	24
10	20T3-THU1TA	18	23	41
11	20T3-THU2TA	35	9	44
12	20T3-THU3TA	22	25	47
13	20T3-QTM1Q4	11	4	15
14	20T3-QTM1Q7	34	21	55
15	20T3-KTD1TU	5	35	40
16	20T3-QKS1BP	13	15	28
17	20T3-QKS1CT	9	15	24
18	20T3-QKS1Q7	24	30	54
Tổng số		373	308	681

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2021

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm (Buổi tối)

1	20T5-THU1	10	13	23
Tổng số		10	13	23

Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021

Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm (Buổi tối)

1	18T7-ĐCN1	37	2	39
	18T5-ĐCN1 (Nợ môn)	1	0	1
Tổng số		38	2	40

Khóa: 2021 Niên khóa: 2021-2024

Cao đẳng - Chính quy 2.5 năm

1	21C1-CNÔ1	2	0	2
2	21C1-NNA1	1	0	1
3	21C3-LTM1	1	0	1
4	21C5-CNÔ1	1	0	1
Tổng số		5	0	5

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
-----	-----	-----	----	---------

1	Cao đẳng	6472		
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	277		
3	Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	14		
4	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	59		
5	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	140		
6	Cao đẳng Liên thông (Buổi tối)	1196		
7	Cao đẳng nghề (12+3)	21		
8	Trung cấp chuyên nghiệp (12+2) & 2N3	172		
9	Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)	68		
10	Trung cấp nghề (9+4)	271		
11	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	205		
12	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	5489		
13	Trung cấp - (Tín chỉ) 3 năm (GDTX)	681		
14	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	23		
15	Trung cấp - (Tín chỉ) - 3 năm (Buổi tối)	40		
16	Tuyển mới 2021-2022	5		

TỔNG CỘNG =**15133****292 Lớp****Trong đó: Khóa 2020 =****7245**

1	Cao đẳng	2888		
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	200		
3	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	59		
4	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	140		
5	Cao đẳng Liên thông	767		
6	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	44		
7	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	2438		
8	Trung cấp - (Tín chỉ) 3 năm (GDTX)	681		
9	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	23		
10	Tuyển mới 2021-2022	5		

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV

Lê Xuân Thiện

TP. HCM, ngày 05 tháng 4 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG**Phạm Hữu Lộc**

